Signature Not Verified
Được ký bởi LÊ VĂN LỚ
Ngày ký: 18.10.2017 16:17

SỞ Y TẾ HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

* * * * * * * * * *

MST: **05 00391400**

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
QUÝ III - 2017

Hà Nội, tháng 10 năm 2017

HATAPHAR
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Công bố TTBCTC Công ty mẹ quý 3 năm 2017)

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

KÍNH GỬI: Uỷ Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên đơn vị: **Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây**
Mã chứng khoán: **DHT**
Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung – Quận Hà Đông – TP. Hà Nội
Điện thoại: 0433 501117 - Fax 0433 829054
Người thực hiện Công bố thông tin: Ông Ngô Văn Chinh – Trưởng Ban kiểm soát.

Trong Báo cáo tài chính quý III/2017 (Công ty mẹ) của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
Tổng số lãi sau thuế của Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý III năm 2017: 16.096.461.166 đồng so với tổng số lãi sau thuế Công ty mẹ Quý III năm 2016 là: 8.233.225.319 đồng chệnh lệch tăng 7.863.235.847 đồng tương ứng tăng 95% lý do.

- Doanh thu thuần quý III/2017 là 407.770.504.772 đồng so với doanh thu thuần quý III/2016 là 301.046.713.467 đồng chênh lệch tăng 106.723.791.305 đồng tương ứng tăng 35%
- Thu nhập khác quý này so với cùng kì quý trước tăng 2.437.244.824 đồng

Vậy Công ty xin báo cáo Uỷ Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Nơi nhận:
- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ

Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0500391... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

DS. Lê Xuân Thắng

HATAPHAR
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Công bố TT.BCTC công ty mẹ quý 3 năm 2017)

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

KÍNH GỬI: Uỷ Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1.Tên đơn vị: **Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây**

2.Mã chứng khoán: **DHT**

3.Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung – Quận Hà Đông – TP. Hà Nội

4.Điện thoại: 0433 501117 - Fax 0433 829054

5.Người thực hiện Công bố thông tin: Ông **Ngô Văn Chinh** – Trưởng Ban kiểm soát.

6. Nội dung của thông tin công bố.

Báo cáo tài chính Quý III năm 2017 (*Công ty mẹ*) của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây bao gồm: Bảng cân đối kế toán , báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính

7. Đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính trên trang Website: *www.hataphar.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./

Nơi nhận:
- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Người thực hiện công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

Ngô Văn Chinh

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**458.320.877.112**	**420.357.736.891**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**28.808.656.399**	**27.854.209.726**
1	Tiền	111	V.01	28.808.656.399	27.854.209.726
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**54.262.765.287**	**114.352.260.496**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	48.998.269.822	72.903.448.197
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	148.802.410	40.614.697.596
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	5.522.880.719	2.728.132.477
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(407.187.664)	(1.894.017.774)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**V.07**	**369.489.039.262**	**275.567.652.859**
1	Hàng tồn kho	141		373.758.659.108	277.886.824.025
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.269.619.846)	(2.319.171.166)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**5.760.416.164**	**2.583.613.810**
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.427.356.394	2.502.505.457
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.12	333.059.770	81.108.353
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**74.590.739.760**	**66.968.062.645**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**48.022.773.452**	**40.817.815.966**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	48.022.773.452	40.817.815.966
	- Nguyên giá	*222*		*206.879.361.702*	*190.889.286.721*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(158.856.588.250)*	*(150.071.470.755)*
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**V.02**	**24.343.525.000**	**23.443.525.000**
1	Đầu tư vào công ty con	251		23.643.525.000	22.743.525.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		700.000.000	700.000.000
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**2.224.441.308**	**2.706.721.679**
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.413.882.186	1.902.322.129
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	810.559.122	804.399.550
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**532.911.616.872**	**487.325.799.536**

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**327.022.748.403**	**307.022.803.097**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**323.552.848.403**	**303.983.703.097**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	61.325.115.043	63.155.551.619
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	15.405.817.243	53.932.327.575
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.617.966.496	6.184.018.607
4	Phải trả người lao động	314		20.338.036.233	6.709.070.503
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	383.430.248	595.592.474
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	408.650.275	784.921.505
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.174.869.151	3.525.661.123
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	216.163.976.258	168.586.877.990
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.734.987.456	509.681.701
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**3.469.900.000**	**3.039.100.000**
7	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	3.259.900.000	2.829.100.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	210.000.000	210.000.000
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**205.888.868.469**	**180.302.996.439**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.18**	**205.888.868.469**	**180.302.996.439**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.636.910.000	62.826.020.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*125.636.910.000*	*62.826.020.000*
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	29.335.312.000
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		33.648.712.133	33.049.077.251
5	Cổ phiếu quỹ	415		(15.130.000)	(15.130.000)
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		13.442.521.000	13.442.521.000
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.175.855.336	41.665.196.188
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*33.175.855.336*	*41.665.196.188*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	**440**		**532.911.616.872**	**487.325.799.536**

Hà nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Xuân Thắng

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**407.771.857.272**	**301.292.527.467**	**1.056.602.506.979**	**841.922.671.371**
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	**1.352.500**	245.814.000	24.264.570	1.711.946.023
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**407.770.504.772**	**301.046.713.467**	**1.056.578.242.409**	**840.210.725.348**
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	355.076.942.776	258.759.685.528	908.259.674.823	726.068.768.462
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	**20**		**52.693.561.996**	**42.287.027.939**	**148.318.567.586**	**114.141.956.886**
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.343.337.077	2.318.721.298	9.366.910.867	10.027.892.716
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	3.751.839.290	2.216.562.995	9.536.408.475	6.766.916.495
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*					
8 Chi phí bán hàng	24	VI.9	18.800.485.979	21.541.116.910	52.333.347.344	47.584.720.205
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	16.207.389.690	11.962.685.203	47.202.910.572	38.308.717.094
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**16.277.184.114**	**8.885.384.129**	**48.612.812.062**	**31.509.495.808**
11 Thu nhập khác	31	VI.7	3.843.392.343	1.406.147.519	7.789.713.090	3.868.078.012
12 Chi phí khác	32	VI.8			42.174.081	674.845.935
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**3.843.392.343**	**1.406.147.519**	**7.747.539.009**	**3.193.232.077**
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	**50**		**20.120.576.457**	**10.291.531.648**	**56.360.351.071**	**34.702.727.885**
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	4.024.115.291	2.058.306.329	10.628.477.307	6.529.099.142
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				(6.159.572)	(265.433.653)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*) (60=50-51-52)	**60**		**16.096.461.166**	**8.233.225.319**	**45.738.033.336**	**28.439.062.396**
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.12**				

Hà nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY Tổng Giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Xuân Thắng

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Cho kì hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
I	**Lưu chuyển tiền từ kinh doanh**				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		164.358.879.193	138.368.446.776
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(137.530.376.232)	(83.138.764.884)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.434.363.415)	(18.859.549.998)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(2.326.491.737)	(1.950.134.682)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.533.356.558)	(2.599.813.728)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.142.548.853	6.740.000.739
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.438.573.580)	(24.416.257.019)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(18.761.733.476)**	**14.143.927.204**
II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(520.790.909)	(1.273.636.364)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		20.000.000	156.181.818
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(900.000.000)	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26			-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1.960.211.581
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.400.790.909)**	**842.757.035**
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		145.740.013.264	49.580.073.637
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(105.676.954.003)	(69.508.836.035)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.562.178.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**27.500.881.261**	**(19.928.762.398)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**7.338.356.876**	**(4.942.078.159)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**21.470.299.523**	**30.179.130.198**
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61			-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**V.01**	**28.808.656.399**	**25.237.052.039**

Hà nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Xuân Thắng

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp. Công ty có 16 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 thay đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/04/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là **62.826.020.000 đồng** *(Sáu mươi hai tỷ tám trăm hai sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)*. Trong 6 tháng đầu năm 2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn lên 125.636.910.000 đồng dựa trên Nghị quyết số 265/NQ-DHT ngày 28/03/2017 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 440/NQ-DHT ngày 07/06/2017, Thông báo chấp thuận số 809/TB-SGDHN ngày 23/06/2017 của Ủy ban Chứng khoán về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 11/07/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý thuốc của doanh nghiệp);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: Kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế; Mua bán hóa chất và hóa chất xét nghiệm (trừ loại hóa chất Nhà nước cấm); Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế; Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: Dạy nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; Giáo dục nghề nghiệp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Kinh doanh siêu thị; Dịch vụ nhà ở, văn phòng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng); Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Thực phẩm chức năng; thực phẩm dinh dưỡng; thực phẩm bổ dưỡng)./.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị hạch toán báo sổ của Công ty

1. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	-	Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội
2. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	-	Địa chỉ: Số 18 Trần Nhật Duật, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
3. Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	-	Địa chỉ: Thôn Vân Trai, thị trấn Tây Tằng, huyện Ba Vì, Hà Nội
4. Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	-	Địa chỉ: Số 251 Phố Ga, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội
5. Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	-	Địa chỉ: Tiểu khu Mỹ Lâm, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
6. Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hòa	-	Địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội
7. Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	-	Địa chỉ: Thôn Tế Tiêu, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội
8. Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế	-	Địa chỉ: 78 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội
9. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Thái Bình	-	Địa chỉ: Lô 8/18 khu phố 2, tổ 28, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
10. Các phân xưởng sản xuất	-	Địa chỉ: Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
11. Kho thuốc xuất nhập khẩu	-	Địa chỉ: 101 phố Nguyễn Viết Xuân, Hà Đông, Hà Nội
12. Quầy thuốc số 37 Chương Mỹ	-	Địa chỉ: Xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội
13. Kho nguyên liệu, dược liệu, thành phẩm	-	Địa chỉ: Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội

Danh sách các Công ty con của Công ty

Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	-	Địa chỉ: Số 10, ngõ 4, phố Xốm, Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội
	-	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 50,63%
	-	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 50,63%

Danh sách các Công ty liên kết của Công ty

Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	-	Địa chỉ: Số 38 A2 Nguyễn Giản Thanh, phường 15, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
	-	Tỷ lệ phần sở hữu: 48,28%
	-	Tỷ lệ quyền biểu quyết: 48,28%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với các ngân hàng giao dịch.

Công ty đã thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 20
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải	07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và chi phí trả trước về thuê cửa hàng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay, được xác định đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau được tính toán dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ nhằm đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng địa điểm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Theo quy định tại Điều số 16 Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính Phủ - Quy định chị tiết một số điều của Luật doanh nghiệp, Các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần trước ngày 01 tháng 07 năm 2015 có quyền mua bán, chuyển nhượng, tăng, giảm phần vốn góp, số cổ phần nhưng không được làm tăng tỷ lệ sở hữu chéo hiện có. Khoản Công ty con góp vốn vào Công ty là từ trước thời điểm 01/07/2015 và cũng không tăng tỷ lệ sở hữu chéo hiện có.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn góp chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết số 265/NQ-DHT ngày 28/03/2017 của Đại hội đồng cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin…

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
+ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
+ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn), căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông/Quyết định chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là tiền thu từ cho thuê nhà, thu thanh lý tài sản cố định, thu cho thuê nhân công, thu từ đào tạo, hợp tác kinh doanh và các khoản thu nhập khác, được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, hóa đơn tài chính, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán có liên quan.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận trên cơ sở số lượng hàng xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 10% đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh bán thực phẩm chức năng và các mặt hàng khác và 5% bán thuốc thông thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.
Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các đơn vị trực thuộc Công ty được tính toán và quyết toán thuế TNDN tập trung tại Công ty.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. Tiền

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền		
Tiền mặt	7.161.182.610	2.445.162.360
Tiền gửi ngân hàng	21.647.473.789	25.409.047.366
Cộng	**28.808.656.399**	**27.854.209.726**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

3. Phải thu khách hàng

	Ngày 30/09/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà tây	1.743.773.804	-	2.385.619.068	-
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	3.013.367.599	-	2.627.898.923	-
Công ty CP Dược phẩm Sao Mỹ	486.371.640	-	1.882.214.094	-
Công ty CP Y dược Pháp Âu	1.902.919.229	-	1.884.228.567	-
Công ty CP Vinh Gia	902.321.986	-	1.277.594.553	-
Công ty CP Đầu tư Kim Long	1.648.003.283	-	2.255.229.908	-
Công ty CP Dược phẩm Thành Phát	1.394.602.699	-	6.589.150.634	-
Công ty TNHH Trường Huy	5.070.799.062	-	4.380.966.020	-
Công ty TNHH Dược phẩm Meza	7.178.859.699	-	5.723.014.652	-
Công ty CP Dược phẩm Hạnh Hà	1.007.715.090	-	1.414.899.588	-
Công ty TNHH 168 Busal Hàn Quốc	702.086.484	-	1.068.494.128	-
Các đối tượng khác	23.947.449.247	407.187.664	41.414.138.062	1.894.017.774
Cộng	**48.998.269.822**	**407.187.664**	**72.903.448.197**	**1.894.017.774**

4. Trả trước cho người bán

	ngày 30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Thiết kế & Xây dựng SDC	-	5.470.599.044
Mepro Pharmaceuticals Pvt.ltd	-	4.826.088.750
Rotexmedica		12.876.210.650
Công ty TNHH Micro Labs		-
Curemed Healthcare Pvt., Ltd		0
Shijiazhuang Yiling Pharmaceutical Co., Ltd		1.093.920.000
Các đối tượng khác	148.802.410	16.347.879.152
Cộng	**148.802.410**	**40.614.697.596**

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Phải thu khác

	Ngày 30/09/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khác	***2.968.381.519***	-	***632.263.277***	-
Phòng Xuất nhập khẩu	768.381.519	-	428.354.725	-
Phải thu khác	2.200.000.000	-	203.908.552	-
Tạm ứng	***2.554.499.200***	-	***2.095.869.200***	-
Nguyễn Cảnh Thắng	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Ngô Thị Hải Minh	175.730.000	-	257.100.000	-
Các đối tượng khác	678.769.200	-	138.769.200	-
Cộng	**5.522.880.719**	-	**2.728.132.477**	-

6. Nợ xấu

	Ngày 30/09/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
Công ty CP Dược phẩm Thái Tiến		-	289.479.884	-
Công ty CP Dược phẩm DGC		-	432.621.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Yến	-	-	159.093.400	79.546.700
Công ty TNHH Dược phẩm Sơn Tùng			518.973.512	259.486.756
Công ty CP Y tế Tân Phúc	110.098.060	-	110.098.060	55.049.030
Bệnh viện đa khoa Hà Đông	82.664.910	41.332.455	182.694.000	94.117.200
Công ty CP Dược phẩm và Thương mại Yến Hà	-	-	118.186.986	-
Các đối tượng khác	214.424.694	90.235.278	882.040.677	310.970.059
Cộng	**407.187.664**	**131.567.733**	**2.693.187.519**	**799.169.745**

7. Hàng tồn kho

	Ngày 30/09/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	111.146.243.580	(4.269.619.846)	90.645.774.855	(2.319.171.166)
Công cụ, dụng cụ	296.608.575	-	454.671.886	-
Thành phẩm, hàng hóa	262.315.806.953	-	186.786.377.284	-
Cộng	**373.758.659.108**	**(4.269.619.846)**	**277.886.824.025**	**(2.319.171.166)**

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/07/2017	**82.974.141.158**	**105.820.340.898**	**9.812.023.136**	**7.752.065.601**	**206.358.570.793**
Mua trong kỳ	-		520.790.909	-	520.790.909
Đầu tư XDCB hoàn thành		-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-
Số dư ngày 30/09/2017	**82.974.141.158**	**105.820.340.898**	**10.332.814.045**	**7.752.065.601**	**206.879.361.702**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư ngày 01/07/2017	**61.715.218.068**	**79.645.485.847**	**6.822.860.409**	**7.673.023.926**	**155.856.588.250**
Khấu hao trong kỳ	1.150.000.000	1.600.000.000	250.000.000		3.000.000.000
Tăng do phân loại lại	-	-	-		-
Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-
Giảm do phân loại lại	-		-	-	-
Số dư ngày 30/09/2017	**62.865.218.068**	**81.245.485.847**	**7.072.860.409**	**7.673.023.926**	**158.856.588.250**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/07/2017	**21.258.923.090**	**26.174.855.051**	**2.989.162.727**	**79.041.675**	**50.501.982.543**
Tại ngày 30/09/2017	**20.108.923.090**	**24.574.855.051**	**3.259.953.636**	**79.041.675**	**48.022.773.452**

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/09/2017: 119.256.543.423 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Chi phí trả trước

	ngày 30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.333.882.186	1.902.322.129
Chi phí thuê cửa hàng	80.000.000	-
Cộng	**1.413.882.186**	**1.902.322.129**

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	ngày 30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	810.559.122	804.399.550
Cộng	**810.559.122**	**804.399.550**

11. Phải trả người bán

	ngày 30/09/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Dược phẩm Thành Phát	5.855.257.800	5.855.257.800	8.015.094.150	8.015.094.150
Alphamed Formulation Private Limited		-	8.550.187.416	8.550.187.416
Các đối tượng khác	55.321.054.833	55.321.054.833	46.590.270.053	46.590.270.053
Cộng	**61.176.312.633**	**61.176.312.633**	**63.155.551.619**	**63.155.551.619**

12. Người mua trả tiền trước

	ngày 30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Hà Minh		556.345.812
Công ty TNHH Dược phẩm Bách Khang	1.871.860.375	1.807.038.629
Công ty TNHH Dược phẩm Anh Thy	581.447.050	6.063.295.338
Công ty CP Thiết bị T&T	1.172.036.867	3.065.325.735
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm Trường An	1.480.288.305	2.174.013.099
Công ty TNHH Dược phẩm FRANCE INDIA USA	1.156.248.475	6.426.760.886
Công ty CP Thương mại Nguyễn Danh	-	1.320.000.000
Công ty CP Gold Pharma	652.589.929	1.486.908.583
Công ty CP Dược phẩm NOVIPHA	1.137.304.265	1.107.528.000
Công ty CP Thương mại dược phẩm Sao Mai	5.332.445.333	11.531.118.276
Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Vạn Xuân	1.582.271.028	3.384.537.313
Các đối tượng khác	439.325.616	15.009.455.904
Cộng	**15.405.817.243**	**53.932.327.575**

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	ngày 30/09/2017
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	-	18.296.215	18.296.215	-
Thuế GTGT hàng NK	-	23.603.306.046	23.603.306.046	-
Thuế Thu nhập DN	5.611.317.809	6.604.362.016	8.682.323.267	4.024.115.291
Thuế Thu nhập cá nhân	572.700.798	846.441.131	1.359.868.996	593.851.205
Thuế môi bài	-	19.000.000	19.000.000	-
Thuế đất	-	1.860.318.306	1.860.318.306	-
Cộng	**6.184.018.607**	**32.951.723.714**	**35.543.112.830**	**4.617.966.496**
b) Phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	81.108.353	2.423.259.722	2.009.091.599	(333.059.770)
Cộng	**81.108.353**	**2.423.259.722**	**2.009.091.599**	**(333.059.770)**

14. Chi phí phải trả

	ngày 30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	383.430.248	363.774.292
Chi phí sửa chữa quầy bán lẻ	-	231.818.182
Cộng	**383.430.248**	**595.592.474**

15. Doanh thu chưa thực hiện

	ngày 30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê nhà và địa điểm	408.650.275	784.921.505
Cộng	**408.650.275**	**784.921.505**

16. Phải trả khác

		Ngày 30/9/2017 VND	01/01/2017 VND
a)	**Ngắn hạn**	**3.150.869.151**	**3.525.661.123**
	Các khoản bảo hiểm	1.775.645.231	1.207.393.774
	Kinh phí công đoàn	4.000.000	80.000.000
	Đền bù giải phóng mặt bằng	470.468.767	470.468.767
	Tiền nhà cán bộ công nhân viên	294.127.000	294.127.000
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	606.628.153	1.473.671.582
b)	**Dài hạn**	**3.259.900.000**	**2.829.100.000**
	Nhận ký cược, ký quỹ	3.259.900.000	2.829.100.000
	Cộng	**6.410.769.151**	**6.354.761.123**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/07/2017		Trong kỳ		Ngày 30/09/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**256.017.035.519**	**256.017.035.519**	**145.740.013.264**	**105.676.954.003**	**216.163.976.258**	**216.163.976.258**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tây (1)	89.413.123.452	89.413.123.452	56.773.892.728	45.040.023.968	77.679.254.692	77.679.254.692
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (2)	73.460.586.554	73.460.586.554	50.454.560.726	34.367.487.305	57.373.513.133	57.373.513.133
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (3)	25.341.376.835	25.341.376.835	16.909.443.529	15.362.500.706	23.794.434.012	23.794.434.012
Vay cá nhân (4)	67.801.948.678	67.801.948.678	21.602.116.281	10.906.942.024	57.106.774.421	57.106.774.421
Vay dài hạn	**210.000.000**	**210.000.000**	-	-	**210.000.000**	**210.000.000**
Trái phiếu phát hành (5)	210.000.000	210.000.000	-	-	210.000.000	210.000.000
Cộng	**256.227.035.519**	**256.227.035.519**	**145.740.013.264**	**105.676.954.003**	**216.373.976.258**	**216.373.976.258**

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 38/2016-HDDTDHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 28/7/2016 và Văn bản sửa đổi , bổ sung hợp đồng tín dụng số 70/2017-HĐCV-SDDbS01/NHCT320-HATAPHAR ngày 28/6/2017, hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND, mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng/lần, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/7/2017; khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 99/16/HM-DHT/VCBHT ngày 08/11/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 18/4/2017, hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND, mục đích vay mua nguyên vật liệu, thuốc thành phẩm, trả lương nhân công và các chi phí khác để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, lãi suất quy định cụ thể theo từng lần rút vốn theo công bố của Ngân hàng; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa không quá 05 tháng kể từ ngày rút vốn và được ghi trên giấy nhận nợ; thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 13011.16.077.2665152.TD ngày 30/3/2016; hạn mức cho vay 35.000.000.000 VND; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại dược phẩm của khách hàng năm 2016-2017; lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ; thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/7/2017; điều kiện bảo đảm: tổng nghĩa vị bảo lãnh (bao gồm bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh dự thầu) không có tài sản đảm bảo tại mọi thời điểm không vượt quá 45.000.000.000 VND. Hợp đồng cấp tín dụng số 7617.17.077.2665152.TC ngày ngày 30/3/2016; hạn mức tín dụng 220.000.000.000 VND (đã bao gồm toàn bộ dư hạn mức tín dụng của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng số 13011.16.077.2665152.TD ngày 30/3/2016); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại dược phẩm của khách hàng; lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ; thời hạn mỗi khoản tín dụng trong hạn mức quy định trong từng văn bản nhận nợ nhưng vượt quá 06 tháng/khế ước; thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/3/2018; tài sản bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển, hàng hóa hình thành từ phương án, chi tiết theo các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

(4) Các khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay, nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay 03 tháng; lãi suất 0,5%/tháng.

(5) Trái phiếu phát hành theo quy chế phát hành trái phiếu số 119/TV-DP ngày 03/3/2004, đối tượng mua trái phiếu là các Dược sĩ đang làm việc tại Công ty, thời hạn trái phiếu là 20 năm, lãi suất trả tương đương tỷ lệ cổ tức cho các cổ đông của Công ty và trả hàng năm.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2017	**62.826.020.000**	**29.335.312.000**	**33.049.077.251**	**(15.130.000)**	**41.665.196.188**	**166.860.475.439**
Tăng vốn trong năm	62.810.890.000		599.634.882	-	-	**63.410.524.882**
Lãi trong kì	-	-	-	-	29.641.572.169	**29.641.572.169**
Trích lập các quỹ, thưởng BĐH	-	-	-	-	(7.589.981.306)	**(7.589.981.306)**
Sử dụng để tăng vốn góp CSH	-	(29.335.312.000)	-	-	(34.075.212.882)	**(63.410.524.882)**
Số dư ngày 01/07/2017	**125.636.910.000**	**-**	**33.648.712.133**	**(15.130.000)**	**29.641.572.170**	**188.912.064.303**
Tăng vốn trong kỳ này		-		-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	16.096.461.166	**16.096.461.166**
Tạm ứng cổ tức 2017	-		-	-	(12.562.178.000)	**(12.562.178.000)**
Số dư ngày 30/09/2017	**125.636.910.000**	**-**	**33.648.712.133**	**(15.130.000)**	**33.175.855.336**	**192.446.347.469**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Ngày 30/9/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội	6.705.340.000	3.352.670.000
Lê Văn Lớ	8.988.180.000	3.495.090.000
Ngô Văn Chinh	4.367.560.000	2.033.780.000
Nguyễn Văn Minh	300.000.000	1.133.200.000
Hoàng Văn Tuế	7.113.980.000	3.456.990.000
Lê Việt Linh	10.600.000.000	5.117.000.000
Lê Xuân Thắng	10.512.300.000	4.456.150.000
Nguyễn Như Hoa	5.800.000.000	3.051.000.000
Nguyễn Thị Minh Hậu	5.500.000.000	2.940.000.000
Lê Anh Trung	8.683.380.000	3.836.690.000
Các cổ đông khác	57.066.170.000	29.953.450.000
Cộng	**125.636.910.000**	**62.826.020.000**

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/7/2016 đến 30/09/2016 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	62.826.020.000	62.826.020.000
Vốn góp tăng trong kỳ	62.810.890.000	-
Vốn góp cuối kỳ	125.636.910.000	62.826.020.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 Cổ phiếu	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	12.563.691	6.282.602
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.563.691	6.282.602
- Cổ phiếu phổ thông	*12.563.691*	*6.282.602*
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.513	1.513
- Cổ phiếu phổ thông	*1.513*	*1.513*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.562.178	6.281.089
- Cổ phiếu phổ thông	*12.562.178*	*6.281.089*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

18.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	407.771.857.272	301.292.527.467
Cộng	**407.771.857.272**	**301.292.527.467**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Chiết khấu thương mại	1.352.500	245.814.000
Cộng	**1.352.500**	**245.814.000**

3. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa và thành phẩm	407.770.504.772	301.046.713.467
Cộng	**407.770.504.772**	**301.046.713.467**

4. Giá vốn bán hàng

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	355.076.942.776	258.759.685.528
Cộng	**355.076.942.776**	**258.759.685.528**

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.370.735	22.952.595
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		
Lãi bán hàng trả chậm, cho vay	2.334.966.342	2.295.768.703
Cộng	**2.343.337.077**	**2.318.721.298**

6. Chi phí tài chính

	Từ 01/07/2017 đến VND	Từ 01/07/2016 đến VND
Chi phí lãi vay	3.751.839.290	2.216.562.995
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Cộng	**3.751.839.290**	**2.216.562.995**

7. Thu nhập khác

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Thu từ cho thuê nhà	3.769.045.933	1.016.424.543
Thu cho thuê nhân công	17.286.410	61.722.976
Thu từ tiền đào tạo, hợp tác kinh doanh		-
Điều chỉnh giảm theo kiểm toán	-	
Thu nhập khác	57.060.000	328.000.000
Cộng	**3.843.392.343**	**1.406.147.519**

8. Chi phí khác

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định	-	
Chi phí khác		-
Cộng	**-**	**-**

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	***16.207.389.690***	***11.962.685.203***
Chi phí nhân viên quản lý	9.392.750.535	8.562.794.984
Chi phí vật liệu quản lý	66.806.680	163.736.402
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	145.706.156	240.166.735
Chi phí khấu hao TSCĐ	385.822.888	600.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	344.771.564	267.000.000
Chi phí bằng tiền khác	5.871.531.867	2.128.987.082
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	***18.800.485.979***	***21.541.116.910***
Chi phí nhân viên bán hàng	7.068.250.300	7.590.442.336
Chi phí vật liệu bao bì	878.559.972	345.158.283
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	107.893.531	198.683.724
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.352.396.947	4.791.090.889
Chi phí bằng tiền khác	5.393.385.229	7.615.741.678
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	***(1.034.607.046)***	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.034.607.046)	
Cộng	**36.042.482.715**	**33.503.802.113**

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	75.197.439.588
Chi phí nhân công	3.397.039.751
Chí phí khấu hao tài sản cố định	2.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	
Chi phí khác bằng tiền	6.691.626.679
Cộng	**87.286.106.018**

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ, trong đó:	407.771.857.272	301.292.527.467
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	*407.771.857.272*	*301.292.527.467*
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	387.651.280.815	291.000.995.819
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	*387.651.280.815*	*291.000.995.819*
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	20.120.576.457	10.291.531.648
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng lợi nhuận chịu thuế TNDN hiện hành	20.120.576.457	10.291.531.648
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.024.115.291	2.058.306.330
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.024.115.290	2.058.306.330

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016 của Công ty.

Hà nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Xuân Thắng